

Bản án số: 36/2018/HS-ST
Ngày: 31-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Phan Thị Phương

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Thị Nở

2. Ông Nguyễn Mạnh Thường

Thư ký phiên toà: Bà Nông Thu Hồi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2018/TLST - HS ngày 03 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST – HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo.

1. Đào Văn H (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1988 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Văn P (đã chết) và bà Lò Thị T, sinh năm 1955; Có vợ: Lò Thị P, sinh năm 1992; Con: Có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2018, tạm giam từ ngày 17/4/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

2. Đào Thị M (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1984 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đào Văn P (đã chết) và bà Lò Thị T, sinh năm 1955; Có chồng: Trần Văn T (đã chết); Con: Có 01 con sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2018, tạm giam từ ngày 17/4/2018, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Nga- Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 08/4/2018, Đào Văn H đi chơi ở bệnh viện huyện M thì gặp hai người đàn ông dân tộc Mông ở xã T, huyện M. Qua nói chuyện, H đặt mua thuốc phiện với số tiền 20.000.000 đồng, hai người đàn ông đồng ý và hẹn giao dịch khoảng 05 giờ ngày 09/4/2018 tại khu vực cầu N, xã N, huyện M. Hôm sau, H đến điểm hẹn đợi một lúc thì thấy hai người đàn ông dân tộc Mông đi mô tô đến. Tại đây, H mua được 01 túi thuốc phiện gói bên ngoài bằng nylon màu đen, bên trong được gói bằng túi nylon màu tím và lớp trong cùng được gói bằng nylon màu hồng bên trong có 05 cục thuốc phiện từng cục được gói bằng nylon màu trắng với giá 20.000.000 đồng. Sau đó, H mang túi thuốc phiện đi cất giấu ở bụi cây cách cầu N khoảng 400m và cách đường nhựa khoảng 03m với mục đích để xem có ai mua thì bán.

Ngày 12/4/2018, H đi ra khu vực giấu túi thuốc phiện rồi lấy 01 cục thuốc phiện mang đến nhà chị gái Đào Thị M ở khu phố 10, thị trấn M, huyện M và cất giấu lên trên nóc tủ nhà chị M. Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/4/2018, Đào Thị M đi làm về thì thấy Vương Khắc Đ (hàng xóm của M) dẫn một người đàn ông lạ mặt đi vào cổng nhà M rồi tự giới thiệu với H và M tên là V ở Lào Cai. V hỏi M có thuốc phiện bán không, M bảo không có, H nghe V hỏi liền nói H có một ít thuốc phiện bán. Sau đó H đến chỗ nóc tủ nhà M lấy 01 cục thuốc phiện đưa cho V xem, xem xong V đưa lại cho H, V, H cùng thỏa thuận giá bán 30.000.000 đồng/01kg thuốc phiện, lúc này M cũng ngồi ở đó. Sau đó, H cho V số điện thoại của M để liên lạc rồi V bảo với M và H là V ở nhà nghỉ Đ thị trấn M, khi nào có thuốc phiện thì mang đến bán cho V.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 14/4/2018, M đang ở nhà thì nhận được điện thoại của V hỏi có thuốc phiện chưa, M trả lời sắp có rồi. H nghe thấy V và M nói chuyện liền bảo M đi lên nhà nghỉ Đ để gặp V còn H đi lấy thuốc phiện ở nơi cất giấu. Sau đó M đi xe mô tô HONDA-SH mode màu đỏ BKS 25B1-35.666 đến nhà nghỉ Đ rồi dựng xe để ở sân, khoảng 10 phút sau thì M gặp V ở cổng nhà nghỉ, V hỏi có thuốc phiện chưa, M nói H đang đi lấy. Một lúc sau, H mang túi nylon màu đen bên trong có 05 cục thuốc phiện đến và đặt vào chỗ để chân mô tô của M. H bảo M trực tiếp bán thuốc phiện cho V, nếu bán trót lọt thì H sẽ trả công cho M số tiền 2.000.000 đồng và H đi luôn. Còn V thì bảo đi lấy xe ô tô để bỏ thuốc phiện, trong lúc M đang đứng đợi V ở sân nhà nghỉ Đ thì bị Công an tỉnh Lai Châu phối hợp với Công an huyện Mường Tè bắt quả tang thu giữ vật chứng là 01 túi ni lon màu đen bên trong được gói bằng túi nylon màu tím và lớp trong cùng được gói bằng nylon màu hồng bên trong có 05 cục chất nhựa dẻo màu nâu đen, có mùi hắc từng cục được gói bằng nylon màu trắng, 01 xe mô tô HONDA-SH mode màu đỏ, BKS 25B1-35.666 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen gắn 02 thẻ sim vào hồi 15 giờ 15 phút ngày 14/4/2018, đến 16 giờ 50 phút cùng ngày H bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đào Văn H, Đào Thị M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị M khai nhận: Nguồn gốc thuốc phiện bị Công an thu giữ là của Đào Văn H đưa cho M bán, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - SH mode màu đỏ, BKS 25B1-35.666 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo M, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen gắn 02 thẻ sim là của bị cáo M.

Theo lời khai của bị cáo Đào Văn H, nguồn gốc thuốc phiện bị thu giữ là do H mua của hai người đàn ông dân tộc Mông ở T, huyện M vào ngày 08/4/2018 tại khu vực cầu N, xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu. Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của hai người đàn ông này, việc mua bán không có ai chứng kiến, trong hồ sơ không có tài liệu khác để chứng minh, vì vậy không đề cập xử lý.

Đối với người đàn ông tên V ở tỉnh Lào Cai đặt mua thuốc phiện của M và H. Kết quả điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của V, vì vậy không đề cập xử lý.

Đối với Vương Khắc Đ (hàng xóm của M) ở khu phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu là người dẫn người đàn ông tên V vào nhà M ngày 13/4/2018. Kết quả điều tra xác định Đ chỉ là người được người đàn ông tên V hỏi và nhờ Đ chỉ dẫn vào nhà M, Đ không biết việc V đến nhà M mua ma túy. Đó đó hành vi của Đ không phạm tội.

Tại kết luận giám định số 179/2018/GĐ- KTHS ngày 19/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận 05 cục chất nhựa dẻo, màu nâu có mùi hắc thu giữ của Đào Thị M và Đào Văn H có tổng khối lượng là 1.618 gam đều là ma túy, loại Thuốc phiện.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 30/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo Đào Văn H, Đào Thị M về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đào Văn H, Đào Thị M phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Văn H từ 15 năm đến 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2018

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đào Thị M từ 10 năm đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Tịch thu tiêu hủy 1563,35 gam thuốc phiện và 03 chiếc túi nilon; Trả lại cho bị cáo Đào Thị M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - SH mode màu đỏ, BKS 25B1-35.666 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen gắn 02 thẻ sim.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đào Văn H được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đào Thị M được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Văn H.

Ý kiến đối đáp của Kiểm sát viên: Kiểm sát viên không chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đào Thị M vì không thuộc trường hợp có vai trò không đáng kể. Chấp nhận đề nghị của người bào chữa áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Văn H.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đào Văn H: Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nhất thời nên bị cáo cố ý phạm tội, hiện tại hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bố mất sớm, mẹ già, vợ bỏ đi nên con không có ai chăm sóc nên bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

Lời nói sau cùng của bị cáo Đào Thị M: Do bị cáo hám lợi nên đã vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, con còn nhỏ không có người chăm sóc vì chồng bị cáo đã chết mà bị cáo là người trực tiếp chăm sóc con, là lao động chính duy nhất trong gia đình nên bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Tè, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lai Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Khoảng 15 giờ 15 phút ngày 14/4/2018, tại sân nhà nghỉ Đ, thuộc thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu, Đào Thị M đang bán trái phép 1.618 gam thuốc phiện thì phát hiện bắt quả tang. Nguồn gốc số thuốc phiện trên là do Đào Văn H đưa cho M bán, nếu bán trót lọt H sẽ trả công cho M 2.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đào Văn H là người trực tiếp đi mua, cất giấu và trực tiếp trao đổi bán thuốc phiện, bị cáo Đào Thị M vì hám lời và một phần cũng vì nể nang tình cảm chị em ruột nên đã giúp Đào Văn H bán trái phép 1.618 gam thuốc phiện. Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Đào Văn H chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, bị cáo là người dân tộc sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đào Thị M chưa có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo và tỏ rõ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Tại Cơ quan điều tra bị cáo đã cung cấp nhiều thông tin quan trọng liên quan đến một số đối tượng mua bán trái phép chất ma túy tại địa bàn xã T, huyện M, tỉnh Lai Châu và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lai Châu có Công văn số 124/CV-PC47 ngày 20 tháng 7 năm 2018 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo; Bị cáo được UBND huyện M, tỉnh Lai Châu tặng Giấy khen năm học 2009-2010 và bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình. Do đó bị cáo M được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này bị cáo Đào Văn H có vai trò tích cực hơn bị cáo Đào Thị M nên cần phải áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với bị cáo H mới đủ răn đe, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Còn bị cáo Đào Thị M có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo M được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đào Thị M vì không thuộc trường hợp có vai trò không đáng kể.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: 1563,35 gam thuốc phiện còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

03 chiếc túi nilon dùng để gói thuốc phiện xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - SH mode màu đỏ, BKS 25B1-35.666 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Đào Thị M, hiện chồng bị cáo đã chết nên cần trả lại cho bị cáo M theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen gắn 02 thẻ sim là của bị cáo Đào Thị M không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo M theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6] Về án phí: Xét thấy gia đình bị cáo Đào Văn H thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Đào Thị M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Đào Văn H.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 251, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Đào Thị M.

Căn cứ Điều 106, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo.

1. Tuyên bố bị cáo Đào Văn H, Đào Thị M phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đào Văn H 15 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2018.

- Xử phạt bị cáo Đào Thị M 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2018.

3. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 1563,35 gam thuốc phiện còn lại sau giám định và 03 chiếc túi nilon.

- Trả lại cho bị cáo Đào Thị M 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA - SH mode màu đỏ, BKS 25B1-35.666 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu hồng, mặt trước màu trắng, màn hình màu đen gắn 02 thẻ sim.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 02/7/2018 giữa Công an tỉnh Lai Châu và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

4. Về án phí:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đào Văn H. Bị cáo Đào Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (PC 47);
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại Tạm giam;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương